

**BỘ NỘI VỤ****CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Số: **564** /BNV-ĐT

V/v thông kê thực trạng và nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ phục vụ XD Chương trình quốc gia và công tác tập NN

Hà Nội, ngày **01** tháng **02** năm **2019****Kính gửi: Các Bộ, Cơ quan ngang Bộ, Cơ quan trực thuộc Chính phủ, Tổ chức Chính trị - Xã hội ở Trung ương**

Nhằm triển khai thực hiện Nghị quyết số 132/NQ-CP ngày 24/10/2018 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; Kế hoạch số 10-KH/TW ngày 06/6/2018 của Bộ Chính trị thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW và nhiệm vụ được Thủ tướng Chính phủ giao, Bộ Nội vụ tổ chức xây dựng Đề án Chương trình quốc gia về học tập ngoại ngữ cho cán bộ, công chức, viên chức.

Để có những đánh giá đầy đủ về thực trạng số lượng, chất lượng, trình độ năng lực và nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ phục vụ thực thi công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, Bộ Nội vụ đề nghị các Bộ, Cơ quan ngang Bộ, Cơ quan thuộc Chính phủ, Tổ chức Chính trị - xã hội ở Trung ương (sau đây gọi tắt là Bộ, Cơ quan Trung ương) báo cáo về số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của Bộ/Cơ quan mình, cụ thể như sau:

1. Tổng số cán bộ, công chức, viên chức (theo biểu mẫu đính kèm).
2. Thực trạng trình độ ngoại ngữ hiện nay của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức (theo biểu mẫu đính kèm).
3. Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ cho cán bộ, công chức, viên chức thời gian tới (theo biểu mẫu đính kèm).
4. Kiến nghị, đề xuất cụ thể của Quý Bộ/Cơ quan về giải pháp tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ ngoại ngữ cho cán bộ, công chức, viên chức phục vụ thực thi công vụ và đủ khả năng làm việc trong môi trường quốc tế.

Báo cáo của Quý Bộ/Cơ quan đề nghị gửi về Bộ Nội vụ (qua Vụ Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức, số 8 Tôn Thất Thuyết, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội trước ngày 28/02/2019 để tổng hợp.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Thứ trưởng Triệu Văn Cường;
- Vụ (Ban) TCCB các Bộ, Cơ quan TW (để thực hiện);
- Lưu: VT, ĐT.

**Triệu Văn Cường**



1.3 Công chức, viên chức cấp Vụ và tương đương:

TT	Đối tượng	Vị trí công tác		Giới tính		Độ tuổi			Ngạch công chức/Hạng viên chức					Ghi chú
		Giữ chức vụ LĐQL	Không giữ chức vụ LĐQL	Nam	Nữ	Dưới 40	40-50	Trên 50	CS và TĐ/ Hạng I	CV và TĐ/ Hạng II	CVC và TĐ/ Hạng III	CVCC và TĐ/ Hạng IV	Khác (ghi rõ)	
1	Công chức													
2	Viên chức													
<b>Tổng cộng:</b>														

1.4 Công chức, viên chức cấp Phòng và tương đương:

TT	Đối tượng	Vị trí công tác		Giới tính		Độ tuổi			Ngạch công chức/Hạng viên chức					Ghi chú
		Giữ chức vụ LĐQL	Không giữ chức vụ LĐQL	Nam	Nữ	Dưới 40	40-50	Trên 50	CS và TĐ/ Hạng I	CV và TĐ/ Hạng II	CVC và TĐ/ Hạng III	CVCC và TĐ/ Hạng IV	Khác (ghi rõ)	
1	Công chức													
2	Viên chức													
<b>Tổng cộng:</b>														

**2. Trình độ ngoại ngữ hiện có:**

**2.1 Đối với cán bộ, công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý**

TT	Đối tượng	Ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng						Bằng tốt nghiệp ngoại ngữ ở trong nước				Bằng tốt nghiệp chuyên ngành ở nước ngoài			Ghi chú		
			A1 và TĐ	A2 và TĐ	B1 và TĐ	B2	C1	C2	Khác (ghi rõ)	Trung cấp	Cao đẳng	Đại học	Sau ĐH	ĐH	ThS		TS	
1	Cấp Thứ trưởng và tương đương	Tiếng Anh																
		Tiếng Nga																
		Tiếng Pháp																
		Tiếng Đức																
		Tiếng Trung																
		NN khác																
2	Cấp Tổng cục và tương đương	Tiếng Anh																
		Tiếng Nga																
		Tiếng Pháp																
		Tiếng Đức																
		Tiếng Trung																
		NN khác (ghi rõ)																
3	Cấp Vụ và tương đương	Tiếng Anh																
		Tiếng Nga																
		Tiếng Pháp																
		Tiếng Đức																
		Tiếng Trung																

		NN khác (ghi rõ)															
3	Cấp Phòng và tương đương	Tiếng Anh															
		Tiếng Nga															
		Tiếng Pháp															
		Tiếng Đức															
		Tiếng Trung															
		NN khác (ghi rõ)															
<b>Tổng cộng</b>																	

2.2 Đối với công chức, viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo quản lý

TT	Đối tượng	Ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng							Bằng tốt nghiệp ngoại ngữ ở trong nước				Bằng tốt nghiệp chuyên ngành ở nước ngoài			Ghi chú	
			A1 và TĐ	A2 và TĐ	B1 và TĐ	B2	C1	C2	Khác (ghi rõ)	Trung cấp	Cao đẳng	Đại học	Sau ĐH	ĐH	ThS	TS		
1	Công chức	Tiếng Anh																
		Tiếng Nga																
		Tiếng Pháp																
		Tiếng Đức																
		Tiếng Trung																
		NN khác (ghi rõ)																
2	Viên chức	Tiếng Anh																
		Tiếng Nga																
		Tiếng Pháp																
		Tiếng Đức																
		Tiếng Trung																
		NN khác (ghi rõ)																
3	Khác	Tiếng Anh																
		Tiếng Nga																
		Tiếng Pháp																
		Tiếng Đức																
		Tiếng Trung																
		NN khác (ghi rõ)																
<b>Tổng cộng</b>																		

**3. Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ:**

**3.1 Đối với cán bộ, công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý**

TT	Đối tượng	Ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng							Bằng tốt nghiệp ngoại ngữ ở trong nước				Bằng tốt nghiệp chuyên ngành ở nước ngoài			Ghi chú
			A1	A2	B1	B2	C1	C2	Khác (ghi rõ)	Ch. ngành	Cao đẳng	Đại học	Sau ĐH	ĐH	ThS	TS	
1	Cấp Thứ trưởng	Tiếng Anh															
		Tiếng Nga															
		Tiếng Pháp															
		Tiếng Đức															
		Tiếng Trung															
		NN khác (ghi rõ)															
2	Cấp Tổng cục và tương đương	Tiếng Anh															
		Tiếng Nga															
		Tiếng Pháp															
		Tiếng Đức															
		Tiếng Trung															
		NN khác (ghi rõ)															
3	Cấp Vụ và tương đương	Tiếng Anh															
		Tiếng Nga															
		Tiếng Pháp															

		Tiếng Đức																
		Tiếng Trung																
		NN khác (ghi rõ)																
4	Cấp Phòng và tương đương	Tiếng Anh																
		Tiếng Nga																
		Tiếng Pháp																
		Tiếng Đức																
		Tiếng Trung																
		NN khác (ghi rõ)																
<b>Tổng cộng</b>																		

3.2 Đối với công chức, viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo quản lý

TT	Đối tượng	Ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng							Bằng tốt nghiệp ngoại ngữ ở trong nước				Bằng tốt nghiệp chuyên ngành ở nước ngoài			Ghi chú	
			A1	A2	B1	B2	C1	C2	Khác (ghi rõ)	Ch. ngành	Cao đẳng	Đại học	Sau ĐH	ĐH	ThS	TS		
1	Công chức	Tiếng Anh																
		Tiếng Nga																
		Tiếng Pháp																
		Tiếng Đức																
		Tiếng Trung																
		NN khác (ghi rõ)																

2	Viên chức	Tiếng Anh																	
		Tiếng Nga																	
		Tiếng Pháp																	
		Tiếng Đức																	
		Tiếng Trung																	
		NN khác (ghi rõ)																	
3	Khác	Tiếng Anh																	
		Tiếng Nga																	
		Tiếng Pháp																	
		Tiếng Đức																	
		Tiếng Trung																	
		NN khác (ghi rõ)																	
<b>Tổng cộng</b>																			